

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 09 năm 2022

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỂ LỰC ĐỘT 2 CỦA SINH VIÊN
NĂM HỌC 2021 - 2022 (dự kiến)**

| STT | MSSV | Họ tên | | Lớp | Khoa | Kết quả |
|-----|------------|-----------------|--------|-----------|---------------------|---------|
| 1 | DH11905568 | Nguyễn Phương | Nam | D19_CDT01 | Cơ khí | Đạt |
| 2 | DH11904022 | Hoàng Văn | Nam | D19_CDT01 | Cơ khí | Đạt |
| 3 | DH11904478 | Nguyễn Tuấn | Thành | D19_CDT01 | Cơ khí | Đạt |
| 4 | DH11900653 | Huỳnh Tấn | Đạt | D19_CDT02 | Cơ khí | Tốt |
| 5 | DH11903547 | Nguyễn Trung | Hậu | D19_CDT02 | Cơ khí | Đạt |
| 6 | DH11905155 | Trần Văn | Lượng | D19_CDT02 | Cơ khí | Đạt |
| 7 | DH12006323 | Nguyễn Bá | Phúc | D20_CDT02 | Cơ khí | Đạt |
| 8 | DH12112144 | Nguyễn Văn | Bảo | D21_CDT02 | Cơ khí | Đạt |
| 9 | DH12108327 | Nguyễn Huy | Hùng | D21_CDT02 | Cơ khí | Tốt |
| 10 | DH51900551 | Trần Nhật | Hoàng | D19_TH01 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 11 | DH51903858 | Lưu Trung | Lâm | D19_TH02 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 12 | DH51902391 | Triệu Nam | Quảng | D19_TH03 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 13 | DH51904792 | Trần Nhật | Trường | D19_TH03 | Công nghệ thông tin | Tốt |
| 14 | DH51904802 | Nguyễn Võ Ngọc | Tú | D19_TH03 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 15 | DH51901413 | Trần Đức | Huy | D19_TH05 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 16 | DH51904680 | Đoàn Chí | Tôn | D19_TH05 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 17 | DH51904787 | Nguyễn Văn | Trường | D19_TH05 | Công nghệ thông tin | Tốt |
| 18 | DH51904880 | Võ Thúy | Vi | D19_TH05 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 19 | DH51901746 | Nguyễn Hồ Hoàng | Việt | D19_TH05 | Công nghệ thông tin | Tốt |
| 20 | DH51901873 | Trần Ngọc Thanh | Tâm | D19_TH06 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 21 | DH51902386 | Hà Trúc | Phương | D19_TH07 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 22 | DH51902681 | Đoàn Đức | Hoàng | D19_TH08 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 23 | DH51905009 | Nguyễn Quốc | Huy | D19_TH09 | Công nghệ thông tin | Tốt |

| STT | MSSV | Họ tên | | Lớp | Khoa | Kết quả |
|-----|------------|------------------|-------|----------|---------------------|---------|
| 24 | DH51903781 | Trần Minh | Khang | D19_TH09 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 25 | DH51903057 | Nguyễn Anh | Phúc | D19_TH09 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 26 | DH52000045 | Lê Nguyễn Thành | Công | D20_TH01 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 27 | DH52002303 | Lê Chí | Cường | D20_TH01 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 28 | DH51901190 | Trần Quốc | Đạt | D20_TH01 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 29 | DH52000037 | Đỗ Hoàng | Dũng | D20_TH01 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 30 | DH52002015 | Lương Gia | Huy | D20_TH01 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 31 | DH52002302 | Cao Hoàng | Nam | D20_TH01 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 32 | DH51904332 | Nhan Lâm | Quy | D20_TH01 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 33 | DH52003353 | Lê Hoàng | Tâm | D20_TH01 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 34 | DH52001927 | Trần Ngọc | Thoại | D20_TH01 | Công nghệ thông tin | Tốt |
| 35 | DH52003191 | Vũ Khải | Hoàn | D20_TH02 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 36 | DH52002316 | Nguyễn Kiều | Linh | D20_TH02 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 37 | DH52003364 | Nguyễn Trinh Duy | Tân | D20_TH02 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 38 | DH52006069 | Đặng Thanh | Sang | D20_TH03 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 39 | DH52001633 | Nguyễn Ngọc Hồng | Ân | D20_TH05 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 40 | DH52003749 | Nguyễn Phạm Gia | Vi | D20_TH05 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 41 | DH52005747 | Đào Thành | Đạt | D20_TH06 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 42 | DH52005776 | Nguyễn Thanh | Hải | D20_TH06 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 43 | DH52007219 | Tạ Lê Trung | Hiếu | D20_TH06 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 44 | DH52004127 | Vũ Ngọc | Quảng | D20_TH06 | Công nghệ thông tin | Tốt |
| 45 | DH52004915 | Dương Quang | Khải | D20_TH07 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 46 | DH52005932 | Đỗ Hoàng | Long | D20_TH07 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 47 | DH52006042 | Lê | Quang | D20_TH08 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 48 | DH52005731 | Trần Lê Minh | Duy | D20_TH09 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 49 | DH52006228 | Nguyễn Thành | Trung | D20_TH09 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 50 | DH52006576 | Nguyễn Trọng | Hiển | D20_TH11 | Công nghệ thông tin | Đạt |

| STT | MSSV | Họ tên | | Lớp | Khoa | Kết quả |
|-----|------------|------------------|-------|----------|---------------------|-----------|
| 51 | DH52007002 | Nguyễn Phước | Thịnh | D20_TH11 | Công nghệ thông tin | Không Đạt |
| 52 | DH52103613 | Lâu Ngọc | Phú | D21_TH02 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 53 | DH52107366 | Lê Quốc | An | D21_TH04 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 54 | DH52101497 | Lê Yên | Đan | D21_TH04 | Công nghệ thông tin | Tốt |
| 55 | DH52107879 | Nguyễn Ngọc Đăng | Khoa | D21_TH04 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 56 | DH52107913 | Trương Anh | Kiệt | D21_TH04 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 57 | DH52106198 | Nguyễn Gia | Phú | D21_TH04 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 58 | DH52106677 | Trần Thanh | Son | D21_TH04 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 59 | DH52105184 | Võ Minh | Thiện | D21_TH04 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 60 | DH52110660 | Nguyễn Chí | Cường | D21_TH05 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 61 | DH52103223 | Nguyễn Công | Danh | D21_TH05 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 62 | DH52108405 | Võ Lâm Gia | Đạt | D21_TH05 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 63 | DH52105342 | Trần Nguyễn Minh | Quân | D21_TH05 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 64 | DH52001452 | Dương Tấn | Tín | D21_TH05 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 65 | DH52100330 | Nguyễn Quang | Huy | D21_TH07 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 66 | DH52111004 | Lâm Thanh | Huy | D21_TH07 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 67 | DH52110863 | Dương Mẫn | Hạnh | D21_TH08 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 68 | DH52111456 | Nguyễn Thị Kiều | Oanh | D21_TH08 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 69 | DH52112127 | Lương Triều | Vỹ | D21_TH08 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 70 | DH52111010 | Nguyễn Đức | Huy | D21_TH09 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 71 | DH52111902 | Nguyễn Hữu | Toàn | D21_TH09 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 72 | DH52111091 | Huỳnh Quốc Minh | Khang | D21_TH10 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 73 | DH52111143 | Nguyễn Lê Quốc | Khoa | D21_TH10 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 74 | DH52111147 | Trần Hoàng Đăng | Khoa | D21_TH10 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 75 | DH52111186 | Âu Dương Thiên | Kim | D21_TH10 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 76 | DH52111535 | Nguyễn Hoàng | Phúc | D21_TH10 | Công nghệ thông tin | Tốt |
| 77 | DH52111678 | Phan Lương | Sỹ | D21_TH10 | Công nghệ thông tin | Đạt |

| STT | MSSV | Họ tên | | Lớp | Khoa | Kết quả |
|-----|------------|-------------------|--------|-----------|---------------------|-----------|
| 78 | DH52111863 | Nguyễn Thị Minh | Thư | D21_TH10 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 79 | DH52112015 | Trần Anh | Tuấn | D21_TH10 | Công nghệ thông tin | Tốt |
| 80 | DH52110658 | Luong Văn | Cường | D21_TH11 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 81 | DH52110895 | Võ Hồng | Hiệp | D21_TH11 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 82 | DH52111067 | Trần Minh | Hưng | D21_TH11 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 83 | DH52113167 | Huỳnh Thanh | Huy | D21_TH11 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 84 | DH52111119 | Phan Thế | Khánh | D21_TH11 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 85 | DH52111817 | Trần Gia | Thịnh | D21_TH12 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 86 | DH52111925 | Nguyễn Công | Trí | D21_TH12 | Công nghệ thông tin | Không Đạt |
| 87 | DH52111274 | Nguyễn Võ Minh | Luân | D21_TH13 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 88 | DH52111380 | Hồ Trần Phúc | Nguyên | D21_TH13 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 89 | DH52111744 | Nguyễn Đức | Thành | D21_TH13 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 90 | DH52111236 | Nguyễn Sơn | Long | D21_TH14 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 91 | DH52111318 | Phạm Nguyễn Hoàng | Minh | D21_TH14 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 92 | DH52111339 | Nguyễn Nhật | Nam | D21_TH14 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 93 | DH52111650 | Hồ Quốc | Sang | D21_TH14 | Công nghệ thông tin | Đạt |
| 94 | DH61905298 | Lê Minh | Sang | D19_TP02 | Công nghệ thực phẩm | Đạt |
| 95 | DH61904795 | Đặng Thị Cẩm | Tú | D19_TP02 | Công nghệ thực phẩm | Đạt |
| 96 | DH61902833 | Nguyễn Thị | Vy | D19_TP02 | Công nghệ thực phẩm | Đạt |
| 97 | DH62112517 | Đường Kim | Hoàng | D21_TP01 | Công nghệ thực phẩm | Đạt |
| 98 | DH62112594 | Trần Thị Ngọc | Trâm | D21_TP01 | Công nghệ thực phẩm | Đạt |
| 99 | DH62100014 | Hồ Lê Ngọc | Tú | D21_TP01 | Công nghệ thực phẩm | Đạt |
| 100 | DH91905583 | Hoàng Ngọc Bảo | Khánh | D19_TK4NT | Design | Đạt |
| 101 | DH92006577 | Nguyễn Huỳnh | Long | D20_TK3DH | Design | Đạt |
| 102 | DH92003492 | Nguyễn Ngọc | Trâm | D20_TK3DH | Design | Đạt |
| 103 | DH92105695 | Nguyễn Đông | Nam | D21_TK2TT | Design | Đạt |
| 104 | DH92104450 | Lữ Ngọc | Trân | D21_TK2TT | Design | Đạt |

| STT | MSSV | Họ tên | | Lớp | Khoa | Kết quả |
|-----|------------|-------------------|--------|------------|---------------------|-----------|
| 105 | DH92108857 | Nguyễn Anh | Ty | D21_TK2TT | Design | Đạt |
| 106 | DH92109393 | Nguyễn Đình Hải | Linh | D21_TK3DH1 | Design | Đạt |
| 107 | DH92109070 | Nguyễn Lê Ngọc | Nhi | D21_TK3DH1 | Design | Đạt |
| 108 | DH92109369 | Nguyễn Thị Ngọc | Huyền | D21_TK3DH2 | Design | Đạt |
| 109 | DH92109375 | Lê Vĩ | Khang | D21_TK3DH2 | Design | Đạt |
| 110 | DH92114165 | Tạ Nguyễn Ngọc | Ngân | D21_TK3DH2 | Design | Đạt |
| 111 | DH92120093 | Bùi Trọng | Phi | D21_TK3DH2 | Design | Đạt |
| 112 | DH31909027 | Trần Thanh | Hung | D20_DDT02 | Điện - Điện tử | Đạt |
| 113 | DH32112333 | Trần Huỳnh Gia | Huy | D21_DDT02 | Điện - Điện tử | Đạt |
| 114 | DH32112427 | Nguyễn Anh | Tuấn | D21_DDT02 | Điện - Điện tử | Đạt |
| 115 | DH42114085 | Nguyễn Hoàng Quốc | Bảo | D21_VT01 | Điện - Điện tử | Đạt |
| 116 | DH42112465 | Liêu Trọng | Nhân | D21_VT01 | Điện - Điện tử | Đạt |
| 117 | DH81901606 | Phạm Nguyễn En | Ny | D19_XD01 | Kỹ thuật công trình | Đạt |
| 118 | DH81901559 | Lê Duy | Trường | D19_XD02 | Kỹ thuật công trình | Tốt |
| 119 | DH82004522 | Từ Thừa | Chí | D20_XD02 | Kỹ thuật công trình | Đạt |
| 120 | DH82111066 | Sầm Xương | Hung | D21_XD02 | Kỹ thuật công trình | Đạt |
| 121 | DH82112676 | Bùi Minh | Phúc | D21_XD02 | Kỹ thuật công trình | Không Đạt |
| 122 | DH71902925 | Nguyễn Thị Phương | Thanh | D19_KD01 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 123 | DH71905107 | Trần Thị Mỹ | Hồng | D19_KD02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 124 | DH71905579 | Huỳnh Thị Thảo | Ngân | D19_KD02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 125 | DH71905291 | Ngô Thị Tuyết | Nhi | D19_KD02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 126 | DH71905310 | Lê Viết | Tuấn | D19_KD02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 127 | DH71901777 | Phan Thị Mai | Trân | D19_MAR01 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 128 | DH71903036 | Ngụy Kiều Nguyệt | ánh | D19_MAR02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 129 | DH71902074 | Nguyễn Văn | Cường | D19_MAR02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 130 | DH71900534 | Nguyễn Thái | Hung | D19_MAR02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 131 | DH71902553 | Vương Chí | Huy | D19_MAR02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |

| STT | MSSV | Họ tên | | Lớp | Khoa | Kết quả |
|-----|------------|-------------------|------------|-----------|---------------------|---------|
| 132 | DH71901100 | Chung Phương | Ngọc | D19_MAR02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 133 | DH71904112 | Trần Thị Thảo | Nguyên | D19_MAR02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 134 | DH71900449 | Vũ Thị Thu | Phương | D19_MAR02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 135 | DH71900323 | Võ Trúc | Quỳnh | D19_MAR02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 136 | DH71900275 | Lê Thị Như | Trang | D19_MAR02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 137 | DH71904921 | Lê Trung | Vĩnh | D19_MAR02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 138 | DH71905342 | Hồ Hải | Đăng | D19_MAR03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 139 | DH71902902 | Phạm Trường | Giang | D19_MAR03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 140 | DH71900354 | Nguyễn Thị Thu | Hiền | D19_MAR03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 141 | DH71902215 | Ngũ Tuấn | Hùng | D19_MAR03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 142 | DH71902367 | Trần Quang | Huy | D19_MAR03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 143 | DH71902389 | Lê Thị Thu | Trang | D19_MAR03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 144 | DH71903014 | Nguyễn Thị Mỹ | Xuyên | D19_MAR03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 145 | DH71902127 | Nguyễn Ngọc Như | ý | D19_MAR03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 146 | DH71903131 | Phan Thị Thanh | An | D19_TC01 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 147 | DH71900022 | Võ Ngọc Hoàng | Châu | D19_TC01 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 148 | DH71903601 | Nguyễn Hồng | Hoa | D19_TC01 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 149 | DH71900243 | Nguyễn Ngọc Huỳnh | Như | D19_TC01 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 150 | DH71904503 | Phan Thị Hồng | Thắm | D19_TC01 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 151 | DH71904851 | Nguyễn Dương T | Tường Uyên | D19_TC01 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 152 | DH71903163 | Nguyễn Thị Lan | Anh | D19_TC02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 153 | DH71905578 | Nguyễn Thị Ngọc | ánh | D19_TC02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 154 | DH71901950 | Nguyễn Thị Mỹ | Dy | D19_TC02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 155 | DH71902523 | Trần Minh | Lộc | D19_TC02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 156 | DH72000143 | Hồ Thị Bích | Ngân | D20_QT01 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 157 | DH72002620 | Nguyễn Văn | Cảnh | D20_QT02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 158 | DH72002451 | Trương Gia | Linh | D20_QT02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |

| STT | MSSV | Họ tên | Lớp | Khoa | Kết quả |
|-----|------------|--------------------------|----------|---------------------|---------|
| 159 | DH72001167 | Huỳnh Phương Thảo Nguyên | D20_QT02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 160 | DH72002715 | Trương Cao Cường | D20_QT03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 161 | DH72000113 | Nguyễn Anh Đạt | D20_QT03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 162 | DH72001059 | Nguyễn Lê Xuân Khoa | D20_QT03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 163 | DH72000261 | Võ Thị Ngọc Linh | D20_QT03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 164 | DH72001164 | Trần Thị Bảo Ngọc | D20_QT03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 165 | DH72002866 | Nguyễn Dương Mỹ Trinh | D20_QT03 | Quản trị kinh doanh | Tốt |
| 166 | DH72001163 | Trần Thị Bảo Uyên | D20_QT03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 167 | DH72002570 | Trần Thị Thùy Dương | D20_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 168 | DH72003577 | Nguyễn Thị ánh Duy | D20_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 169 | DH72001611 | Thái Ngọc Hào | D20_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 170 | DH72001119 | Đào Thị Kiều Nhung | D20_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 171 | DH72001618 | Trần Thị Phương Quỳnh | D20_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 172 | DH72000422 | Võ Thanh Sơn | D20_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 173 | DH72003892 | Lưu Phúc Nhựt Tiến | D20_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 174 | DH72003575 | Phạm Thành Trung | D20_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 175 | DH72003815 | Trần Tố Tuyên | D20_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 176 | DH72001626 | Bùi Thị Yên Vy | D20_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 177 | DH72002006 | Đỗ Bé Bình | D20_QT05 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 178 | DH72001179 | Vũ Huệ Hoa | D20_QT05 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 179 | DH72003071 | Nguyễn Đặng Thảo Ly | D20_QT05 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 180 | DH72003906 | Lâm Hạnh Phương | D20_QT05 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 181 | DH72007323 | Nguyễn Thị Ngọc ánh | D20_QT06 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 182 | DH72004081 | Võ Thị ý Lan | D20_QT06 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 183 | DH72004193 | Cao Huỳnh Như | D20_QT06 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 184 | DH72004706 | Nguyễn Hà Hải Đăng | D20_QT07 | Quản trị kinh doanh | Tốt |
| 185 | DH72003879 | Nguyễn Thị Thúy Hằng | D20_QT07 | Quản trị kinh doanh | Đạt |

| STT | MSSV | Họ tên | | Lớp | Khoa | Kết quả |
|-----|------------|--------------------|-------|----------|---------------------|---------|
| 186 | DH72004220 | Tạ Thị Thanh | Huyền | D20_QT07 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 187 | DH72004686 | Nguyễn Thanh | Nga | D20_QT07 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 188 | DH72004948 | Thái Phương | Anh | D20_QT08 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 189 | DH72004944 | Phan Thúy | Kiều | D20_QT08 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 190 | DH72005424 | Phạm Hà Trúc | Nhi | D20_QT08 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 191 | DH72004821 | Vũ Đặng Phương | Thảo | D20_QT08 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 192 | DH72005195 | Vũ Chí | Công | D20_QT09 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 193 | DH72005598 | Phạm Như | Trí | D20_QT10 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 194 | DH72005621 | Nguyễn Ngọc Phương | Uyên | D20_QT10 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 195 | DH72006628 | Nguyễn Thị Bạch | Dương | D20_QT11 | Quản trị kinh doanh | Tốt |
| 196 | DH72006591 | Sái Thị Kiều | Mai | D20_QT11 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 197 | DH72006602 | Huỳnh Trung | Nghĩa | D20_QT11 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 198 | DH72007028 | Nguyễn Bích | Ngọc | D20_QT11 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 199 | DH72006670 | Huỳnh Thị Yến | Nhi | D20_QT11 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 200 | DH72006595 | Đỗ Thị Cẩm | Tiên | D20_QT11 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 201 | DH72006734 | Châu Bích | Tiền | D20_QT11 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 202 | DH72007003 | Lê Hoàng Bảo | Trân | D20_QT11 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 203 | DH72006963 | Cát Ngọc | Diệp | D20_QT12 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 204 | DH72006978 | Nguyễn Quốc | Thắng | D20_QT12 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 205 | DH72103964 | Trần Huy | Bảo | D21_QT01 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 206 | DH72100013 | Huỳnh Bửu | Doanh | D21_QT01 | Quản trị kinh doanh | Tốt |
| 207 | DH72106493 | Huỳnh Khánh | Duyên | D21_QT02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 208 | DH72104786 | Nguyễn Lê Chí | Hiếu | D21_QT02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 209 | DH72103324 | Trần Tiến Minh | Khang | D21_QT02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 210 | DH72106137 | Nguyễn Anh | Thư | D21_QT02 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 211 | DH72106975 | Lê Thị Mộng | Kiều | D21_QT03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 212 | DH72100758 | Lê Thị Hồng | Ngọc | D21_QT03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |

| STT | MSSV | Họ tên | | Lớp | Khoa | Kết quả |
|-----|------------|------------------|-------|----------|---------------------|---------|
| 213 | DH72106518 | Lê Trương Thảo | Nhi | D21_QT03 | Quản trị kinh doanh | Tốt |
| 214 | DH72101550 | Nguyễn Cẩm | Tiên | D21_QT03 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 215 | DH72107931 | Nguyễn Kim Hoàng | Anh | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 216 | DH72100023 | Trần Thành | Đạt | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 217 | DH72108408 | Trần Nguyễn | Dy | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 218 | DH72107482 | Lưu Thị Thúy | Kiều | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 219 | DH72107495 | Nguyễn Hoàng Phi | Lâm | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 220 | DH72108617 | Nguyễn Thị Thùy | Linh | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 221 | DH72107438 | Chung Nguyễn Cao | Minh | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 222 | DH72106578 | Mai Thị Tuyết | Nhi | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 223 | DH72107591 | Bùi Như | Tâm | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 224 | DH72108185 | Lê Huỳnh Trúc | Thi | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 225 | DH72108296 | Nguyễn Thị Anh | Thy | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 226 | DH72107470 | Lê Thị Ngọc | Tú | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 227 | DH72107469 | Võ Hồng | Vân | D21_QT04 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 228 | DH72109720 | Nguyễn Trà | Giang | D21_QT06 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 229 | DH72109768 | Phạm Bửu | Hân | D21_QT06 | Quản trị kinh doanh | Tốt |
| 230 | DH72114612 | Trần Đăng Xuân | Thắng | D21_QT06 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 231 | DH72114549 | Trần Đình Minh | Tuyền | D21_QT06 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 232 | DH72110458 | Mai Thị Phương | Uyên | D21_QT06 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 233 | DH72113420 | Nguyễn Thị Bảo | Trân | D21_QT07 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 234 | DH72113041 | Phan Ngọc | Tú | D21_QT07 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 235 | DH72110429 | Chiêng Thư | Tuấn | D21_QT07 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 236 | DH72107480 | Phùng Gia | Hân | D21_QT09 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 237 | DH72109841 | Nguyễn Minh Nhật | Huy | D21_QT09 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 238 | DH72112860 | Huỳnh | Lê | D21_QT09 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 239 | DH72110445 | Dư Kim | Tuyền | D21_QT09 | Quản trị kinh doanh | Đạt |

| STT | MSSV | Họ tên | | Lớp | Khoa | Kết quả |
|------------|-------------|---------------|------|------------|---------------------|----------------|
| 240 | DH72114205 | Nguyễn Đình | Hiếu | D21_QT10 | Quản trị kinh doanh | Tốt |
| 241 | DH72110021 | Nguyễn Kim | Ngân | D21_QT10 | Quản trị kinh doanh | Đạt |
| 242 | DH72114482 | Hà Thái | Vinh | D21_QT10 | Quản trị kinh doanh | Đạt |